TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2020/DSST
Ngày: 17/07//2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn K

Các Hội thẩm nhân dân 1. Ông: Cao Tiến H

2. Bà: Đoàn Thị Q

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô lương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công H – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Ngày 17 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số09/2020/TLST — DS ngày 26 tháng 03 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-DS ngày 01tháng 07 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1975. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khối 04, thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn:

+. Ông Trần Kim C, sinh năm 1971. Có mặt.

+. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978. Vắng mặt không có lý do

Đều cư trú tại: Xóm 05, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/03/2020, tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Tiến H trình bày:

Ngày 24/07/2019, ông Nguyễn Tiến H có cho vợ chồng ông Trần Kim C, bà Nguyễn Thị N vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) để sử dụng vào mục đích kinh doanh, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất vay do hai bên thỏa thuận, tiền lãi được trả vào ngày 30 hàng tháng, nếu tháng nào không có ngày 30 thì trả vào ngày 29. Việc cho vay nợ được lập thành văn bản là giấy vay tiền, có đầy đủ chữ ký của các bên. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông C, bà N đã thống nhất dùng các tài sản sau làm biện pháp bảo đảm hợp đồng gồm:

1.Thửa đất số 689, tờ bản đồ số 16, diện tích 318,7m^2 tại xóm 05, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

2.Thửa đất số 1174, tờ bản đồ số 16, diện tích 103,5m^2 tại xóm 05, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

3.Thửa đất số 1305, tờ bản đồ số 16, diện tích 136m^2 tại xóm 05, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Tuy nhiên, sau khi vay được tiền, đến nay ông C, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi suất do hai bên thỏa thuận đúng thời hạn cho ông Nguyễn Tiến H cũng như chưa trả tiền gốc đã vay, vi phạm các điều khoản hợp đồng hai bên đã ký kết. Việc ông C, bà N cố tình vi phạm cam kết trả nợ đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân ông H. Nay ông H đề nghị Tòa án: Buộc ông Trần Kim C, bà Nguyễn Thị N phải trả lại cho ông Nguyễn Tiến H tổng số tiền gốc đã vay là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Nếu ông C, bà N không trả cho ông H tổng số tiền gốc đã vay là 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật, ông H đề nghị Tòa án buộc ông C, bà N phải thực hiện theo đúng những gì ông C, bà N đã ký tại Điều 4 – Biện pháp bảo đảm hợp đồng trong giấy vay tiền ngày 24/7/2019.

Ngày 10/06/2020, ông Nguyễn Tiến H có đơn yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết đến nội dung ông C, bà N đã gửi cho ông H các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm biện pháp bảo đảm hợp đồng được thể hiện tại Điều 4 giấy vay tiền ngày 24/07/2019. Yêu cầu ông C, bà

Nphải trả cho ông H số tiền gốc đã vay còn lại là 933.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi ba triệu đồng) (Do đã trả được 67.000.000đồng) và tiền lãi suất 10 tháng x 0,8%/tháng = 74.640.000 đồng.

Tại văn bản ngày 06/07/2020, ông Nguyễn Tiến H yêu cầu ông Trần Kim C, bà Nguyễn Thị N phải cho trả cho ông H tổng số tiền 1.015.104.000đồng (Trong đó tiền gốc: 933.000.000 đồng và tiền lãi suất 82.104.000 đồng (11 tháng x 0,8%/tháng – Lấy tròn số).

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Trần Kim Ctrình bày:

Ông C thừa nhận, vợ chồng ông C, bà N có vay của ông Nguyễn Tiến H nhiều lần tiền, sau đó hai bên chốt lại số nợ bằng văn bản ngày 24/07/2019 là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Khi vay hai bên không thỏa thuận cụ thể về lãi suất nhưng có thỏa thuận về về thời gian trả tiền lãi vào ngày 25 đến 30 hàng tháng . Tuy nhiên, do làm ăn kinh tế gặp khó khăn nên vợ chồng ông C, bà N mới trả được cho ông H 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng) vào tháng 01 năm 2020, còn nợ lại 933.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi ba triệu đồng) tiền gốc. Ông C, bà N đề nghị ông Nguyễn Tiến H cho trả dần số tiền nợ gốc còn lại 933.000.000 đồng và đề nghị ông Nguyễn Tiến H miễn giảm số tiền lãi suất cho vợ chồng ông C, bà N vì hiện tại điều kiện công việc, làm ăn của ông C, bà N gặp rất nhiều khó khăn. Nếu ông Nguyễn Tiến H không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, nhiều thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho bà Nguyễn Thị N nhưng bà N đều vắng mặt không có lý do, không phản hồi các thông báo của Tòa án, tự tước đoạt quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên, tại hồ sơ vụ án có biên bản lấy lời khai của ông C, bà N ngày 15/01/2020 (Trong vụ án dân sự thụ lý số 73/2019/DSST ngày 18/12/2019, đình chỉ giải quyết theo quyết định đình chỉ số 04/2020/QĐST – DS ngày 18/02/2020), ông C, bà N thống nhất khai “Chúng tôi công nhận sự thật chúng tôi có vay nợ và có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Tiến H 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) tiền gốc đã vay và lãi suất do hai bên thỏa thuận. Do điều kiện khó khăn, chúng tôi đề nghị ông H cho chúng tôi trả dần”. Ông

H có đơn yêu cầu không tiếp tục tiến hành hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn (Ông Trần Kim C) chấp hành nghiêm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bà Nguyễn Thị N không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 278, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự:

+. Đình chỉ yêu cầu xem xét, giải quyết đến biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng được thể hiện tại Điều 4 giấy vay tiền ngày 24/07/2019 giữa ông Nguyễn Tiến H và ông Trần Kim C, bà Nguyễn Thị N

+. Buộc ông Trần Kim C, bà Nguyễn Thị N trả cho ông Nguyễn Tiến H số tổng số tiền 1.015.104.000đồng (Trong đó tiền gốc: 933.000.000đồng và tiền lãi suất 82.104.000 đồng (11 tháng x 0,8%/tháng).

Ông Trần Kim C, bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản xác lập ngày 24 tháng 07 năm 2019 (AL) đối với bị đơn Trần Kim C, Nguyễn Thị

N cư trú tại Xóm 05, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

Tòa án đã tiến hành Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn (Bà Nguyễn Thị N) nhiều lần hợp lệ đến các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa lần một, lần hai nhưng bà Nguyễn Thị N không hợp tác và vắng mặt không có lý do. Ông Nguyễn Tiến H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông H, bà N là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo Trích lục kết hôn ngày 15/06/2020 do UBND xã ĐôngSơn, huyện Đô Lương cung cấp thì ông Trần Kim C và bà Nguyễn Thị N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 05/12/1997 tại UBND xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Giấy vay tiền xác lập và có hiệu lực từ ngày 24/07/2019 đến ngày 24/07/2020, có thỏa thuận về việc trả lãi suất vào ngày 30 hàng tháng, nếu tháng nào không có ngày 30 thì bên vay phải trả vào ngày 29 của tháng đó. Tuy nhiên, sau khi hợp đồng có hiệu lực cho đến tháng 01/2020, ông C, bà N mới trả được cho ông H 67.000.000 đồng. Vì vậy, cần xác định ngày 30/08/2019 là ngày ông C, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông H; ông H có quyền yêu cầu ông C, bà N phải trả số tiền nợ gốc và lãi suất theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự

Đối với đề nghị của ông Nguyễn Tiến H đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết đến nội dung ông C, bà N đã gửi cho ông H các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm biện pháp bảo đảm hợp đồng được thể hiện tại Điều 4 giấy vay tiền ngày 24/07/2019 mà ông H đã nộp cho Tòa án. Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi ông H rút yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đến biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng được thể hiện tại Điều 4 giấy vay tiền ngày 24/07/2019, Tòa án đã ban hành Thông báo thụ lý vụ án bổ sung gửi cho các đương sự nhưng không ai có ý kiến phản hồi. Việc rút yêu cầu của ông H là tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, phù hợp với pháp luật; căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu xem xét, giải quyết đến biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng được thể hiện tại Điều 4 giấy vay tiền ngày 24/07/2019 giữa ông Nguyễn Tiến H và ông Trần Kim C, bà Nguyễn Thị N

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 24/07/2019, trình bày của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Nguyễn Tiến H có cho ông Trần Kim C, bà Nguyễn Thị N vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Khi vay hai bên không thỏa thuận cụ thể về lãi suất nhưng có thỏa thuận về về thời gian trả tiền lãi vào ngày 30 hàng tháng, nếu tháng nào không có ngày 30 thì bên vay phải trả vào ngày 29 của tháng đó. Do vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là giao dịch vay tài sản, theo đó bên cho vay là ông Nguyễn Tiến H; bên vay là Ông Trần Kim C, bà Nguyễn Thị N, mục đích vay để sử dụng vào mục đích kinh doanh. Do ông Trần Kim C, bà Nguyễn Thị N là vợ chồng, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Nđến Tòa án làm việc nhưng bà N đều vắng mặt không có lý do, tự tước đoạt quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) là nợ chung của ông C, bà N đối với ông H. Đến nay, vợ chồng ông C, bà N đã trả được cho ông H 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng), còn nợ lại 933.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi ba triệu đồng) tiền gốc đúng như sự thừa nhận của các đương sự. Ông H yêu cầu ông Trần Kim C, bà Nguyễn Thị N trả cho ông Nguyễn Tiến H số tổng số tiền 1.015.104.000đồng (Trong đó tiền gốc: 933.000.000đồng và tiền lãi suất 82.104.000 đồng (11 tháng x 0,8%/tháng).Ông C, bà N đề nghị ông Nguyễn Tiến H cho trả dần số tiền nợ gốc còn lại 933.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi ba triệu đồng) và miễn giảm số tiền lãi suất cho vợ chồng ông C, bà N vì hiện tại điều kiện công việc, làm ăn của ông C, bà N gặp rất nhiều khó khăn.

Xét, yêu cầu của ông H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với số tiền nợ gốc còn lại các bên đương sự đều thống nhất ông C, bà N còn nợ ông H 933.000.000 đồng, nên việc ông H yêu cầu ông C, bà N phải trả số tiền gốc còn lại 933.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về lãi suất: Ông H yêu cầu ông C, bà N phải trả số tiền lãi suất 82.104.000 đồng (11 tháng x 0,8%/tháng), ông C đề nghị ông H miễn lãi suất cho vợ chồng ông C, bà N nếu ông H không đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong giấy vay tiền ngày 24/07/2019 các bên có thỏa thuận về lãi suất, không thỏa thuận lãi suất cụ thể là bao nhiêu, chỉ thỏa thuận về thời gian trả tiền lãi suất. Quá trình giải quyết các bên không thống nhất

về tiền lãi suất, mức lãi suất, bị đơn đề nghị giải quyết theo quy định. Mặc dù các bên không thống nhất về lãi suất, tuy nhiên, căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất 0,8%/tháng mà ông H yêu cầu ông C, bà N phải trả là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận. Thời gian tính lãi suất 11 tháng kể từ ngày 24/07/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 11 tháng (Lấy tròn số). Vì vậy, đủ cơ sở pháp lý để buộc ông C, bà N phải trả cho ông H tổng số tiền là 1.015.104.000đồng (Trong đó tiền gốc: 933.000.000 đồng và tiền lãi suất 82.104.000 đồng (11 tháng x 0,8%/tháng).

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của ông H được chấp nhận, ông C, bà N phải chịu 42.453.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Trả lại cho ông Nguyễn Tiến H số tiền tạm ứng án phí 41.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 147; Điều 266, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1.Đình chỉ yêu cầu xem xét, giải quyết đến biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng được thể hiện tại Điều 4 giấy vay tiền ngày 24/07/2019 giữa ông Nguyễn Tiến H và ông Trần Kim C, bà Nguyễn Thị N

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trần Kim C, bà Nguyễn Thị Nphải trả cho ông Nguyễn Tiến H tổng số tiền 1.015.104.000đồng (Một tỷ không trăm mười lăm triệu một trăm linh bốn nghìn đồng. Trong đó tiền gốc: 933.000.000 đồng và tiền lãi suất 82.104.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ngời đợc thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho ngời đợc thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tơng ứng với thời gian cha thi hành án.

Trong trờng hợp bản án, quyết định đợc thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, ngời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

- Về án phí: Buộc ông Trần Kim C, bà Nguyễn Thị N phải chịu 42.453.000 đồng (Bốn mươi hai triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Tiến H số tiền tạm ứng án phí 41.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005519 ngày 26/03/2020.

Bị đơn (Ông Trần Kim C) có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn (Bà Nguyễn Thị N) có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn K

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh

Trần Văn Khánh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24 /2020/DSST
Ngày: 17/07//2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân 1. Ông: Cao Tiến Hùng

2. Bà: Đoàn Thị Quyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô lương tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Hợi – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Ngày 17 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số09/2020/TLST — DS ngày 26 tháng 03 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-DS ngày 01tháng 17 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến Hải, sinh năm 1975. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khối 04, thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn:

+. Ông Trần Kim Cương, sinh năm 1971. Có mặt.

+. Bà Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1978. Vắng mặt không có lý do

Đều cư trú tại: Xóm 05, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/03/2020, tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Hải trình bày:

Ngày 24/07/2019, ông Nguyễn Tiến Hải có cho vợ chồng ông Trần Kim Cương, bà Nguyễn Thị Nga vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) để sử dụng vào mục đích kinh doanh, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất vay do hai bên thỏa thuận, tiền lãi được trả vào ngày 30 hàng tháng, nếu tháng nào không có ngày 30 thì trả vào ngày 29. Việc cho vay nợ được lập thành văn bản là giấy vay tiền, có đầy đủ chữ ký của các bên. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Cương, bà Nga đã thống nhất dùng các tài sản sau làm biện pháp bảo đảm hợp đồng gồm:

1.Thửa đất số 689, tờ bản đồ số 16, diện tích 318,7m^2 tại xóm 05, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

2.Thửa đất số 1174, tờ bản đồ số 16, diện tích 103,5m^2 tại xóm 05, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

3.Thửa đất số 1305, tờ bản đồ số 16, diện tích 136m^2 tại xóm 05, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Tuy nhiên, sau khi vay được tiền, đến nay ông Cương, bà Nga không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi suất do hai bên thỏa thuận đúng thời hạn cho ông Nguyễn Tiến Hải cũng như chưa trả tiền gốc đã vay, vi phạm các điều khoản hợp đồng hai bên đã ký kết. Việc ông Cương, bà Nga cố tình vi phạm cam kết trả nợ đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân ông Hải. Nay ông Hải đề nghị Tòa án: Buộc ông Trần Kim Cương, bà Nguyễn Thị Nga phải trả lại cho ông Nguyễn Tiến Hải tổng số tiền gốc đã vay là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Nếu ông Cương, bà Nga không trả cho ông Hải tổng số tiền gốc đã vay là 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật, ông Hải đề nghị Tòa án buộc ông Cương, bà Nga phải thực hiện theo đúng những gì ông Cương, bà Nga đã ký tại Điều 4 – Biện pháp bảo đảm hợp đồng trong giấy vay tiền ngày 24/7/2019.

Ngày 10/06/2020, ông Nguyễn Tiến Hải có đơn yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết đến nội dung ông Cương, bà Nga đã gửi cho ông Hải các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm biện pháp bảo đảm hợp đồng được thể hiện tại Điều 4 giấy vay tiền ngày 24/07/2019. Yêu cầu ông Cương, bà Nga phải trả cho ông Hải số tiền gốc đã vay còn lại là 933.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi ba triệu đồng) (Do đã trả được 67.000.000đồng) và tiền lãi suất 10 tháng x 0,8%/tháng = 74.600.000 đồng.

Tại văn bản ngày 07/07/2020, ông Nguyễn Tiến Hải yêu cầu ông Trần Kim Cương, bà Nguyễn Thị Nga phải cho trả cho ông Hải tổng số tiền 1.015.104.000đồng (Trong đó tiền gốc: 933.000.000 đồng và tiền lãi suất 78.104.000 đồng (11 tháng x 0,8%/tháng – Lấy tròn số).

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Trần Kim Cương trình bày:

Vợ chồng ông Cương, bà Nga có vay của ông Nguyễn Tiến Hải nhiều lần tiền, sau đó hai bên chốt lại số nợ bằng văn bản ngày 24/07/2019 là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Khi vay hai bên không thỏa thuận cụ thể về lãi suất nhưng có thỏa thuận về về thời gian trả tiền lãi vào ngày 25 đến 30 hàng tháng . Tuy nhiên, do làm ăn kinh tế gặp khó khăn nên vợ chồng ông Cương, bà Nga mới trả được cho ông Hải 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng) vào tháng 01 năm 2020, còn nợ lại 933.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi ba triệu đồng) tiền gốc. Ông Cương, bà Nga đề nghị ông Nguyễn Tiến Hải cho trả dần số tiền nợ gốc còn lại 933.000.000 đồng và đề nghị ông Nguyễn Tiến Hải miễn giảm số tiền lãi suất cho vợ chồng ông Cương, bà Nga vì hiện tại điều kiện công việc, làm ăn của ông

Cương, bà Nga gặp rất nhiều khó khăn. Nếu ông Nguyễn Tiến Hải không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, nhiều thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Nga nhưng bà Nga đều vắng mặt không có lý do, không phản hồi các thông báo của Tòa án, tự tước đoạt quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên, tại hồ sơ vụ án có biên bản lấy lời khai của ông Cương, bà Nga ngày 15/01/2020 (Trong vụ án dân sự thụ lý số 73/2019/DSST ngày 18/12/2019, đình chỉ giải quyết theo quyết định đình chỉ số 04/2020/QĐST – DS ngày 18/02/2020), ông Cương, bà Nga thống nhất khai "Chúng tôi công nhận sự thật chúng tôi có vay nợ và có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Tiến Hải 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) tiền gốc đã vay và lãi suất do hai bên thỏa thuận. Do điều kiện khó khăn, chúng tôi đề nghị ông Hải cho chúng tôi trả dần". Ông Hải có đơn yêu cầu không tiếp tục tiến hành hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn (Ông Trần Kim Cương) chấp hành nghiêm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bà Nguyễn Thị Nga không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 117, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự:

+. Đình chỉ yêu cầu xem xét, giải quyết đến biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng được thể hiện tại Điều 4 giấy vay tiền ngày 24/07/2019 giữa ông Nguyễn Tiến Hải và ông Trần Kim Cương, bà Nguyễn Thị Nga

+. Buộc ông Trần Kim Cương, bà Nguyễn Thị Nga trả cho ông Nguyễn Tiến Hải số tổng số tiền 1.015.104.000đồng (Trong đó tiền gốc: 933.000.000đồng và tiền lãi suất 78.104.000 đồng (11 tháng x 0,8%/tháng).

Ông Trần Kim Cương, bà Nguyễn Thị Nga phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản xác lập ngày 24 tháng 07 năm 2019 (AL) đối với bị đơn Trần Kim Cương, Nguyễn Thị Nga cư trú tại Xóm 05, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

Tòa án đã tiến hành Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn (Bà Nguyễn Thị Nga) nhiều lần hợp lệ đến các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa lần một, lần hai nhưng bà Nguyễn Thị Nga không hợp tác và vắng mặt không có lý do. Ông Nguyễn Tiến

Hải có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Hải, bà Nga là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo Trích lục kết hôn ngày 15/06/2020 do UBND xã ĐôngSơn, huyện Đô Lương cung cấp thì ông Trần Kim Cương và bà Nguyễn Thị Nga là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 05/12/1997 tại UBND xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Giấy vay tiền xác lập và có hiệu lực từ ngày 24/07/2019 đến ngày 24/07/2020, có thỏa thuận về việc trả lãi suất vào ngày 30 hàng tháng, nếu tháng nào không có ngày 30 thì bên vay phải trả vào ngày 29 của tháng đó. Tuy nhiên, sau khi hợp đồng có hiệu lực cho đến tháng 01/2020, ông Cương, bà Nga mới trả được cho ông Hải 67.000.000 đồng. Vì vậy, cần xác định ngày 30/08/2019 là ngày ông Cương, bà Nga vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông Hải; ông Hải có quyền yêu cầu ông Cương, bà Nga phải trả số tiền nợ gốc và lãi suất theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự

Đối với đề nghị của ông Nguyễn Tiến Hải đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết đến nội dung ông Cương, bà Nga đã gửi cho ông Hải các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm biện pháp bảo đảm hợp đồng được thể hiện tại Điều 4 giấy vay tiền ngày 24/07/2019 mà ông Hải đã nộp cho Tòa án. Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi ông Hải rút yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đến biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng được thể hiện tại Điều 4 giấy vay tiền ngày 24/07/2019, Tòa án đã ban hành Thông báo thụ lý vụ án bổ sung gửi cho các đương sự nhưng không ai có ý kiến phản hồi. Việc rút yêu cầu của ông Hải là tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, phù hợp với pháp luật; căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu xem xét, giải quyết đến biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng được thể hiện tại Điều 4 giấy vay tiền ngày 24/07/2019 giữa ông Nguyễn Tiến Hải và ông Trần Kim Cương, bà Nguyễn Thị Nga

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 24/07/2019, trình bày của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Nguyễn Tiến Hải có cho ông Trần Kim Cương, bà Nguyễn Thị Nga vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Khi vay hai bên không thỏa thuận cụ thể về lãi suất nhưng có thỏa thuận về về thời gian trả tiền lãi vào ngày 30 hàng tháng, nếu tháng nào không có ngày 30 thì bên vay phải trả vào ngày 29 của tháng đó. Do vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là giao dịch vay tài sản, theo đó bên cho vay là ông Nguyễn Tiến Hải; bên vay là Ông Trần Kim Cương, bà Nguyễn Thị Nga, mục đích vay để sử dụng vào mục đích kinh doanh. Do ông Trần Kim Cương, bà Nguyễn Thị Nga là vợ chồng, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Nga đến Tòa án làm việc nhưng bà Nga đều vắng mặt không có lý do, tự tước đoạt quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) là nợ chung của ông Cương, bà Nga đối với ông Hải. Đến nay, vợ chồng ông Cương, bà Nga đã trả được cho ông Hải 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng), còn nợ lại 933.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi ba triệu đồng) tiền gốc đúng như sự thừa nhận của các đương sự. Ông Hải yêu cầu ông Trần Kim Cương, bà Nguyễn Thị Nga trả cho ông Nguyễn Tiến Hải số tổng số tiền 1.015.104.000đồng (Trong đó tiền gốc: 933.000.000đồng và tiền lãi suất 78.104.000 đồng (11 tháng x 0,8%/tháng).Ông Cương, bà Nga đề nghị ông Nguyễn Tiến Hải cho trả dần số tiền nợ gốc còn lại 933.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi ba triệu đồng) và miễn giảm số tiền lãi suất cho vợ chồng ông Cương, bà Nga vì hiện tại điều kiện công việc, làm ăn của ông Cương, bà Nga gặp rất nhiều khó khăn.

Xét, yêu cầu của ông Hải, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với số tiền nợ gốc còn lại các bên đương sự đều thống nhất ông Cương, bà Nga còn nợ ông Hải

933.000.000 đồng, nên việc ông Hải yêu cầu ông Cương, bà Nga phải trả số tiền gốc còn lại 933.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về lãi suất: Ông Hải yêu cầu ông Cương, bà Nga phải trả số tiền lãi suất 78.104.000 đồng (11 tháng x 0,8%/tháng), ông Cương đề nghị ông Hải miễn lãi suất cho vợ chồng ông Cương, bà Nga nếu ông Hải không đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong giấy vay tiền ngày 24/07/2019 các bên có thỏa thuận về lãi suất, không thỏa thuận lãi suất cụ thể là bao nhiêu, chỉ thỏa thuận về thời gian trả tiền lãi suất. Quá trình giải quyết các bên không thống nhất về tiền lãi suất, mức lãi suất, bị đơn đề nghị giải quyết theo quy định. Mặc dù các bên không thống nhất về lãi suất, tuy nhiên, căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất 0,8%/tháng mà ông Hải yêu cầu ông Cương, bà Nga phải trả là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận. Thời gian tính lãi suất 11 tháng kể từ ngày 24/07/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 11 tháng (Lấy tròn số). Vì vậy, đủ cơ sở pháp lý để buộc ông Cương, bà Nga phải trả cho ông Hải tổng số tiền là 1.015.104.000đồng (Trong đó tiền gốc: 933.000.000 đồng và tiền lãi suất 78.104.000 đồng (11 tháng x 0,8%/tháng).

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của ông Hải được chấp nhận, ông Cương, bà Nga phải chịu 42.453.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Trả lại cho ông Nguyễn Tiến Hải số tiền tạm ứng án phí 41.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 280, Điều 463, Điều 466Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 147; Điều 266, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1.Đình chỉ yêu cầu xem xét, giải quyết đến biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng được thể hiện tại Điều 4 giấy vay tiền ngày 24/07/2019 giữa ông Nguyễn Tiến Hải và ông Trần Kim Cương, bà Nguyễn Thị Nga

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trần Kim Cương, bà Nguyễn Thị Nga phải trả cho ông Nguyễn Tiến Hải tổng số tiền 1.015.104.000đồng (Một tỷ không trăm mười lăm triệu một trăm linh bốn nghìn đồng. Trong đó tiền gốc: 933.000.000 đồng và tiền lãi suất 78.104.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ngời đợc thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho ngời đợc thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tơng ứng với thời gian cha thi hành án.

Trong trờng hợp bản án, quyết định đợc thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, ngời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

- Về án phí: Buộc ông Trần Kim Cương, bà Nguyễn Thị Nga phải chịu 42.453.000 đồng (Bốn mươi hai triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Tiến Hải số tiền tạm ứng án phí 41.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005519 ngày 26/03/2020.

Bị đơn (Ông Trần Kim Cương) có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn (Bà Nguyễn Thị Nga) có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh

Trần Văn Khánh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh

Căn cứ vào giấy vay tiền lập ngày 12/12/2014 (AL) và văn bản chốt nợ tiền phường có tại hồ sơ vụ án; sự công nhận nợ, thừa nhận nghĩa vụ trả nợ số tiền vay gốc còn lại là 210.000.000 đồng và số tiền nợ phường còn lại 85.450.000 đồng của

bà Bùi Thị Xuân, ông Đặng Duy Sơn đối với bà Phạm Thị Vĩnh, mặc dù giao dịch dân sự được xác lập trước năm 2015, nhưng chưa được thực hiện xong vàcó nội dung, hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên cần áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

Về nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 12/12/2014 bà Bùi Thị Xuân vay của bà Phạm Thị Vĩnh số tiền 240.000.000 đồng. Đến ngày 14/02/2015 bà Xuân đã trả được 30.000.000 đồng, còn nợ lại 210.000.000 đồng. Việc vay nợ có lập thành văn bản do bà Bùi Thị Xuân viết, không thỏa thuận về thời hạn trả nợ và lãi suất. Bà Vĩnh khai nại bà Xuân hẹn 01 tháng sẽ trả, bà Xuân cho rằng khi nào bà Vĩnh cần tiền sẽ thông báo cho bà Xuân biết để bà Xuân có nghĩa vụ trả nợ. Thực tế, đến ngày 14/02/2015 bà Xuân đã trả được cho bà Vĩnh 30.000.000 đồng, điều này chứng tỏ đến ngày 14/02/2015 bà Vĩnh đã yêu cầu bà Xuân trả tiền nhưng bà Xuân chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả hết số tiền gốc đã vay cho bà Vĩnh. Vì vậy, cần xác định ngày 14/02/2015 là ngày bà Xuân vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà Vĩnh, bà Vĩnh có quyền yêu cầu bà Xuân phải trả số tiền nợ gốc còn lại 210.000.000 đồng và lãi suất theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự

Về lãi suất: Bà Vĩnh yêu cầu mức lãi suất 0,5% tháng, bà Xuân, ông Sơn chỉ chấp nhận 0,2%/tháng. Mặc dù các bên không thống nhất về lãi suất, tuy nhiên, căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất 0,5%/tháng mà bà Vĩnh yêu cầu là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận. Thời gian tính lãi suất kể từ ngày 14/02/2015 cho đến ngày bà Vĩnh yêu cầu là 14/09/2019. Cụ thể: Số tiền gốc vay 210.000.000 đồng x 0,5%/tháng x 0,5%/tháng x 55 tháng (Từ ngày 14/02/2015 đến ngày 14/09/2019 là 57.750.000 đồng) = 267.750.000 đồng;

Đối với số tiền phường vàng: 85.450.000 đồng, bà Vĩnh chỉ yêu cầu trả đủ 85.450.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Do bà Bùi Thị Xuân và ông Đặng Duy Sơn là vợ chồng, việc bà Xuân xác lập giao dịch với bà Vĩnh nhằm mục đích là kiếm tiền chênh lệch thông qua việc cho người khác vay lại. Số tiền kiếm được bà Xuân sử dụng vào mục đích trang trải chi phí sinh hoạt, cuộc sống của gia đình; căn cứ vào Điều 37 Luật hôn nhân gia đình ông Đặng Duy Sơn phải có nghĩa vụ chung với bà Bùi Thị Xuân trong việc trả số tiền vay và tiền phường cho bà Vĩnh.

Bà Xuân, ông Sơn đều công nhận nợ và có nghĩa vụ trả 85.450.000 đồng nên cần buộc bà Xuân, ông Sơn phải trả cho bà Vĩnh 85.450.000 đồng và số tiền gốc và lãi đã vay 279.300.000 đồng (Trong đó tiền gốc: 210.000.000đồng, lãi suất 57.750.000 đồng). Tổng số tiền bà Xuân, ông Sơn phải trả cho bà Vĩnh là: 353.200.000 đồng.

[2]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông bà Xuân, ông Sơn phải chịu 18.237.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Phạm Thị Vĩnh 10.219.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 147; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Bùi Thị Xuân và ông Đặng Duy Sơn phải trả cho bà Phạm Thị Vĩnh tổng số tiền còn nợ là 353.200.000 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ngời đợc thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho ngời đợc thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tơng ứng với thời gian cha thi hành án.

Trong trờng hợp bản án, quyết định đợc thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, ngời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

- Về án phí: Trả lại cho bà Phạm Thị Vĩnh số tiền 10.219.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005204 ngày 12/09/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành.

Bà Bùi Thị Xuân và ông Đặng Duy Sơn phải 17.660.000 đồng (Mười bảy triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh

Trần Văn Khánh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ KHAI VÀ ĐỀ NGHỊ

Kính gửi: Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Tên tôi là: Phạm Thị Vĩnh, sinh năm 1958
Nơi cư trú: Xóm Bắc Long, xã Giang Sơn Tây, huyện Đô Lương
Là: Nguyên đơn
Trong vụ án kiện đòi tài sản với bà Bùi Thị Xuân, nơi cư trú Xóm Bắc Long, xã Giang Sơn Tây, huyện Đô Lương
Tôi xin trình bày và đề nghị như sau:

Ngày 12/12/2014 bà Bùi Thị Xuân vay của tôi số tiền 240.000.000 đồng. Đến ngày 14/02/2015 trả được 30.000.000 đồng, còn nợ lại 210.000.000 đồng. Khi vay bà Xuân hẹn 01 tháng sẽ trả, bản thân tôi không muốn cho vay vì tiền dành cho con mua nhà. Tuy nhiên, vì tin tưởng bà Xuân nói sẽ trả đúng hạn nên tôi đã cho vay. Cho đến nay bà Xuân vẫn chưa trả số tiền còn nợ là 210.000.000 đồng cho tôi.

- Bà Xuân còn nợ tôi tiền phường vàng là 90.450.000 đồng, tết năm 2018 đã trả được 5.000.000 đồng, còn nợ 85.450.000 đồng. Đến nay đã 55 tháng nhưng bà Xuân vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho tôi. Khoản nợ phường nà là khoản nợ riêng giữa gia đình bà Xuân với cá nhân tôi, không liên quan đến bất kỳ cá nhân nào khác vì bà Xuân là chủ phường.

Nay tôi yêu cầu bà Xuân, ông Sơn phải cho các khoản tiền sau:

- Số tiền gốc vay 210.000.000 đồng x 0,5%/tháng x 55 tháng (Từ ngày 14/02/2015 đến ngày 14/09/2019 là 57.750.000 đồng) = 267.750.000 đồng;

- Phường vàng: 85.450.000 đồng.

Tổng số tiền tôi yêu cầu bà Xuân phải trả là: 353.200.000 đồng. Đây là quan điểm cuối cùng của tôi về việc giải quyết vụ án.

Do bản thân tôi tuổi cao, sức yếu, đi lại khó khăn nên đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải và nhanh chóng đưa vụ án ra xét xử.

Giang Sơn Tây, ngày 15/10/2019

NGƯỜI VIẾT

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Khánh

Trần Văn Khánh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Khánh